

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	001	DƯƠNG NHẬT THÁI	AN	29/08/2009	7.5	
2	002	HỒ BẢO	AN	21/10/2009	7.2	
3	003	HUỖNH NGỌC KHÁNH	AN	01/09/2009	7.4	
4	004	NGUYỄN BẢ	AN	09/06/2009	7.5	
5	005	TRẦN NGUYỄN DÂN	AN	28/12/2009	7.1	
6	006	ĐOÀN LÊ THÁI	ANH	15/03/2009	7.4	
7	007	ĐOÀN NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/10/2009	7.5	
8	008	LÊ NGỌC QUÊ	ANH	12/11/2009	7.7	
9	009	LÊ NGUYỄN KIM	ANH	10/09/2009	7.8	
10	010	LÊ NGUYỄN QUỲNH	ANH	16/07/2009	7.1	
11	011	LÊ QUỲNH	ANH	17/07/2009	7.7	
12	012	LÊ THỊ VÂN	ANH	04/11/2009	7.2	
13	013	LƯƠNG PHẠM MINH	ANH	10/10/2009	7.3	
14	014	NGÔ QUỲNH	ANH	18/05/2009	7.2	
15	015	NGUYỄN HOÀNG	ANH	09/12/2009	7.4	
16	016	NGUYỄN LÊ HỒNG	ANH	18/11/2009	7.3	
17	017	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	16/03/2009	7.7	
18	018	NGUYỄN PHẠM VÂN	ANH	22/07/2009	7.7	
19	019	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	07/02/2009	7.8	
20	020	PHẠM QUỲNH	ANH	02/12/2009	7.8	
21	021	PHẠM QUỲNH	ANH	15/10/2009	7.6	
22	022	PHẠM TUẤN	ANH	07/03/2009	7.6	
23	023	TRẦN BÌNH PHƯƠNG	ANH	11/02/2009	7.4	
24	024	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	ANH	24/08/2009	7.6	
25	025	TRẦN NGUYỄN KIM	ANH	06/10/2009	7.6	
26	026	TRẦN THỊ MINH	ANH	02/04/2009	7.6	
27	027	TRƯƠNG QUỲNH	ANH	29/08/2009	7.8	
28	028	VŨ HỒNG HOÀNG	ANH	10/10/2009	7.5	
29	029	VŨ NGỌC PHƯƠNG	ANH	29/09/2009	7.3	
30	030	TRỊNH THỊ NGỌC	ÁNH	31/10/2009	7.1	
31	031	ĐÌNH NGỌC	ÂN	31/10/2009	7.2	
32	032	NGUYỄN NGỌC THU	BA	27/04/2009	7.7	
33	033	CÁI GIA	BẢO	10/05/2009	7.2	

Danh sách này có 33 học sinh

Lân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
 Chủ tịch hội đồng

 Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	034	HUỖNH GIA	BẢO	30/06/2009	7.5	
2	035	NGÔ GIA	BẢO	23/07/2009	7.7	
3	036	NGÔ QUỐC	BẢO	23/07/2009	7.7	
4	037	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	21/02/2009	7.3	
5	038	NGUYỄN GIA	BẢO	01/12/2009	7.8	
6	039	Nguyễn Hoàng Duy	Bảo	04/12/2009	7.3	
7	040	TRẦN DUY GIA	BẢO	07/04/2009	7.6	
8	041	VÔ HOÀNG GIA	BẢO	25/01/2009	7.4	
9	042	BÙI PHẠM BẢO	CHÂU	21/11/2009	7.1	
10	043	PHAN HOÀNG BẢO	CHÂU	11/02/2009	7.8	
11	044	VŨ UYẾN	CHI	07/07/2009	7.2	
12	045	NGUYỄN NGỌC	CƯỜNG	05/11/2009	7.2	
13	046	TRẦN QUANG	DANH	30/07/2009	7.6	
14	047	NGUYỄN DUY NGỌC	DIỆP	15/02/2009	7.1	
15	048	TRƯƠNG NGỌC	DIỆP	04/02/2008	7.7	
16	049	TỔNG QUANG	DŨNG	16/06/2009	7.5	
17	050	TRƯƠNG TRÍ	DŨNG	04/03/2009	7.2	
18	051	HOÀNG ĐỨC	DUY	24/06/2009	7.5	
19	052	NGUYỄN HOÀNG	DUY	07/03/2009	7.4	
20	053	PHẠM HOÀNG	DUY	21/08/2009	7.3	
21	054	TRẦN DU THANH	DUY	11/06/2009	7.7	
22	055	TRƯƠNG NGUYỄN ANH	DUY	21/07/2009	7.1	
23	056	TRẦN NGÔ XUÂN	ĐÀO	27/05/2009	7.7	
24	057	ĐẶNG GIAO HIẾU	ĐẠT	26/08/2009	7.5	
25	058	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	01/01/2009	7.2	
26	059	LÊ TẤN	ĐẠT	29/06/2009	7.6	
27	060	NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	03/04/2009	7.4	
28	061	NGUYỄN PHƯỚC	ĐẠT	20/08/2009	7.1	
29	062	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	02/10/2009	7.7	
30	063	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	07/02/2009	7.8	
31	064	PHAN HIẾN	ĐẠT	30/12/2009	7.1	
32	065	QUÁCH TUẤN	ĐẠT	02/11/2009	7.3	
33	066	TRẦN MINH	ĐẠT	08/08/2009	7.6	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
 Chữ tịch hội đồng

 Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	067	VŨ NGUYỄN MINH	ĐẠT	24/12/2009	7.8	
2	068	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	24/10/2009	7.2	
3	069	NGUYỄN HOÀNG NHÃ	ĐĂNG	20/08/2009	7.1	
4	070	NGUYỄN TRẦN MINH	ĐĂNG	18/05/2009	7.1	
5	071	HUỲNH ANH	ĐỨC	01/09/2009	7.2	
6	072	NGUYỄN HOÀNG	GIA	03/07/2009	7.1	
7	073	VÔ ĐẠI	GIA	01/12/2009	7.4	
8	074	PHẠM ĐOÀN HƯƠNG	GIANG	19/02/2009	7.4	
9	075	PHẠM NGỌC TRÀ	GIANG	03/04/2009	7.1	
10	076	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	31/12/2009	7.2	
11	077	TRẦN THỊ HÀ	GIANG	04/02/2009	7.1	
12	078	NGUYỄN THANH	HÀ	11/03/2009	7.6	
13	079	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	15/04/2009	7.5	
14	080	NGUYỄN VĂN	HẢI	23/01/2009	7.3	
15	081	NGUYỄN QUỐC	HÀO	13/10/2009	7.6	
16	082	PHAN NGUYỄN ANH	HÀO	08/08/2009	7.8	
17	083	ĐOÀN HÀ GIA	HÂN	10/04/2009	7.8	
18	084	HUỲNH GIA	HÂN	07/07/2009	7.4	
19	085	LƯƠNG GIA	HÂN	21/01/2009	7.6	
20	086	MÃ PHƯƠNG GIA	HÂN	19/08/2009	7.8	
21	087	PHẠM GIA	HÂN	08/10/2009	7.2	
22	088	PHAN NGUYỄN NGỌC	HÂN	15/12/2009	7.8	
23	089	TRƯƠNG NGỌC GIA	HÂN	13/09/2009	7.3	
24	090	NGUYỄN HỮU	HIỆP	02/05/2009	7.3	
25	091	LÊ TRUNG	HIỂU	25/07/2009	7.5	
26	092	NGUYỄN MINH	HIỂU	20/08/2009	7.2	
27	093	HOÀNG MAI	HOA	19/12/2009	7.3	
28	094	NGUYỄN THỊ THANH	HOA	19/02/2009	7.2	
29	095	VŨ ĐẶNG HOÀNG	HOA	31/07/2009	7.7	
30	096	VŨ ĐẶNG KIM	HOA	31/07/2009	7.7	
31	097	NGUYỄN BẢO	HÒA	09/11/2009	7.7	
32	098	NGUYỄN HUY	HOÀNG	22/03/2009	7.2	
33	099	NGUYỄN MỘNG	HOÀNG	04/02/2009	7.8	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
Chủ tịch hội đồng



Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100	VÕ MINH	HOÀNG	26/08/2009	7.6	
2	101	VÕ TRẦN MINH	HOÀNG	17/02/2009	7.1	
3	102	NGUYỄN TRỊNH VŨ	HỒ	09/05/2009	7.2	
4	103	DƯƠNG GIA	HUY	15/01/2009	7.8	
5	104	LÊ KIM MINH	HUY	19/04/2009	7.7	
6	105	NGUYỄN GIA	HUY	14/11/2009	7.8	
7	106	PHẠM TRẦN GIA	HUY	22/02/2009	7.1	
8	107	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	25/08/2009	7.6	
9	108	NGUYỄN PHƯƠNG	HUYỀN	31/01/2009	7.3	
10	109	PHẠM HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	13/08/2009	7.1	
11	110	HUỲNH ĐẠI	HÙNG	03/03/2009	7.6	
12	111	LÊ NGỌC	HÙNG	26/12/2009	7.4	
13	112	TRẦN VƯƠNG MINH	KHA	11/02/2009	7.3	
14	113	TRẦN QUANG	KHÀI	16/01/2009	7.7	
15	114	TRẦN TUẤN	KHÀI	01/01/2009	7.2	
16	115	LƯƠNG HỮU NHẬT	KHANG	27/09/2009	7.5	
17	116	NGÔ VĂN	KHANG	24/01/2009	7.6	
18	117	NGUYỄN AN	KHANG	29/01/2009	7.8	
19	118	TRẦN MINH	KHANG	14/07/2009	7.1	
20	119	HUỲNH HIỂU	KHÁNH	12/01/2009	7.5	
21	120	NGUYỄN GIA	KHÁNH	07/02/2009	7.8	
22	121	NGUYỄN KIM	KHÁNH	20/08/2009	7.2	
23	122	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	23/04/2009	7.7	
24	123	PHẠM GIA	KHIÊM	04/02/2009	7.7	
25	124	CAO ANH	KHOA	19/06/2009	7.5	
26	125	NGÔ MINH	KHOA	12/10/2009	7.1	
27	126	NGUYỄN DUY	KHOA	04/12/2009	7.8	
28	127	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	27/04/2009	7.2	
29	128	TRẦN LÊ MINH	KHOA	12/03/2009	7.8	
30	129	ĐỖ NGUYỄN ANH	KHÔI	12/04/2009	7.4	
31	130	HOÀNG ANH	KHÔI	21/02/2009	7.3	
32	131	LÊ MINH	KHÔI	12/03/2009	7.3	
33	132	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	25/01/2009	7.5	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
Chủ tịch hội đồng


Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	133	TRẦN MINH	KHÔI	28/08/2009	7.7	
2	134	ĐẶNG QUỐC	KHÔI	22/01/2009	7.6	
3	135	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	KIÊN	21/11/2009	7.3	
4	136	TRẦN TRUNG	KIÊN	23/02/2009	7.4	
5	137	NGUYỄN TẤN	KIỆT	30/03/2009	7.8	
6	138	TRƯƠNG VĨ	KIỆT	24/08/2009	7.1	
7	139	HUỖNH THIÊN	KIM	26/12/2009	7.8	
8	140	TRẦN NGỌC THIÊN	KIM	16/05/2009	7.1	
9	141	TRẦN LƯƠNG AN	KỶ	28/11/2009	7.1	
10	142	NGUYỄN THANH	LIÊM	11/10/2009	7.6	
11	143	BÙI PHƯƠNG THỦY	LINH	01/09/2009	7.3	
12	144	LƯƠNG QUÊ	LINH	08/06/2009	7.3	
13	145	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	22/01/2009	7.6	
14	146	TRẦN THỊ THỦY	LINH	15/06/2009	7.4	
15	147	TRƯƠNG GIA	LINH	14/07/2009	7.2	
16	148	VÔ PHẠM MAI	LINH	02/10/2009	7.7	
17	149	MAI HOÀNG	LONG	28/06/2009	7.2	
18	150	NGUYỄN TẤN	LỘC	29/07/2009	7.5	
19	151	NGUYỄN TRẦN ĐẠI	LỘC	10/08/2009	7.2	
20	152	KHƯƠNG THỊ HÀ	LY	16/11/2009	7.8	
21	153	PHAN VÕ CẨM	LY	06/04/2009	7.2	
22	154	HỒ XUÂN	MẠNH	02/03/2009	7.2	
23	155	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	11/05/2009	7.6	
24	156	NGUYỄN LƯU HUỆ	MÂN	13/04/2009	7.3	
25	157	PHẠM MINH	MẮN	02/07/2009	7.8	
26	158	HỒ VĂN	MINH	01/08/2009	7.2	
27	159	NGUYỄN ANH	MINH	17/07/2009	7.5	
28	160	TRẦN BÌNH	MINH	30/06/2009	7.1	
29	161	DƯƠNG THỊ TRÀ	MY	10/06/2009	7.3	
30	162	HUỖNH TRÀ	MY	22/10/2009	7.6	
31	163	NGUYỄN TRÀ	MY	29/07/2009	7.8	
32	164	TRẦN THỊ KHẢ	MY	16/06/2009	7.4	
33	165	TRẦN HOÀI TRÀ	MY	09/01/2009	7.4	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
 Chủ tịch hội đồng

 Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	166	TRẦN PHƯƠNG	MY	23/12/2009	7.1	
2	167	TRẦN VŨ HÀ	MY	19/01/2009	7.5	
3	168	TRƯƠNG NGỌC THẢO	MY	24/12/2009	7.2	
4	169	HỒ NHẬT	NAM	10/12/2009	7.6	
5	170	MAI NHẬT	NAM	26/11/2009	7.7	
6	171	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	27/05/2009	7.3	
7	172	PHAN NGUYỄN HOÀI	NAM	02/12/2009	7.2	
8	173	TRẦN HOÀNG	NAM	04/11/2009	7.5	
9	174	ĐẶNG KHÁNH	NGÂN	06/06/2009	7.2	
10	175	NGUYỄN PHAN THANH	NGÂN	15/05/2009	7.3	
11	176	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NGÂN	26/08/2009	7.2	
12	177	PHẠM HUỲNH KIM	NGÂN	11/06/2009	7.7	
13	178	PHẠM TRẦN KIM	NGÂN	12/02/2009	7.6	
14	179	PHAN NGỌC KIM	NGÂN	07/09/2009	7.3	
15	180	TRẦN PHẠM THANH	NGÂN	21/10/2009	7.4	
16	181	LÂM BẢO	NGHI	21/02/2009	7.2	
17	182	LÊ PHƯƠNG	NGHI	22/08/2009	7.1	
18	183	NGUYỄN XUÂN	NGHI	27/10/2009	7.3	
19	184	LÊ THỊ KIỀU	NGOAN	26/02/2009	7.6	
20	185	DƯƠNG THỊ KHÁNH	NGỌC	09/11/2009	7.6	
21	186	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	15/07/2009	7.8	
22	187	NGUYỄN BẢO	NGỌC	27/09/2009	7.4	
23	188	NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/12/2009	7.1	
24	189	NGUYỄN MINH BẢO	NGỌC	27/06/2009	7.3	
25	190	NGUYỄN THANH	NGỌC	31/12/2009	7.6	
26	191	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	18/11/2009	7.8	
27	192	NGUYỄN TRUNG KHÁNH	NGỌC	05/12/2009	7.4	
28	193	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGỌC	21/10/2009	7.7	
29	194	PHẠM THỊ KHÁNH	NGỌC	26/10/2009	7.3	
30	195	TRẦN BẢO	NGỌC	16/10/2009	7.2	
31	196	TRẦN THANH	NGỌC	13/11/2009	7.7	
32	197	ĐÀO VŨ BẢO	NGUYỄN	04/09/2009	7.4	
33	198	LÊ PHÚC	NGUYỄN	06/07/2009	7.3	

Danh sách này có 33 học sinh

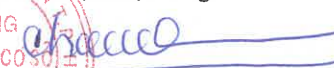
Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
Chủ tịch hội đồng



Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	199	NGUYỄN HUỖNH NGỌC	NGUYỄN	11/07/2009	7.6	
2	200	TRẦN LÊ PHÚC	NGUYỄN	19/05/2009	7.8	
3	201	VŨ TRẦN THẢO	NGUYỄN	29/07/2009	7.7	
4	202	ĐẶNG THỊ MINH	NGUYỆT	13/12/2009	7.8	
5	203	LÊ NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	02/06/2009	7.6	
6	204	VÕ HOÀNG THIÊN	NHÂN	10/12/2009	7.1	
7	205	ĐẶNG LÊ YẾN	NHI	23/02/2009	7.3	
8	206	LÊ CAO UYÊN	NHI	10/07/2009	7.6	
9	207	NGUYỄN NGỌC	NHI	16/04/2009	7.1	
10	208	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	18/02/2009	7.1	
11	209	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	14/11/2009	7.5	
12	210	NGUYỄN THỊ THANH	NHI	14/10/2009	7.7	
13	211	PHẠM NGUYỄN YẾN	NHI	29/01/2009	7.4	
14	212	PHẠM THỊ HUỖNH	NHI	16/04/2009	7.3	
15	213	VÕ HÀ TUYẾT	NHI	11/12/2009	7.8	
16	214	NGUYỄN HUỖNH MÃN	NHU	28/02/2009	7.7	
17	215	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	08/11/2009	7.5	
18	216	TRỊNH TIẾT	NHUY	24/09/2009	7.7	
19	217	ĐU TÂM	NHU	02/12/2009	7.6	
20	218	ĐỖ YẾN	NHU	28/06/2009	7.2	
21	219	HUỖNH NGỌC KHÁNH	NHU	26/04/2009	7.8	
22	220	LƯƠNG NGUYỄN TUYẾT	NHU	02/01/2009	7.5	
23	221	LƯU NGỌC	NHU	25/05/2009	7.6	
24	222	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NHU	21/10/2009	7.7	
25	223	NGUYỄN THỊ THẢO	NHU	03/03/2009	7.1	
26	224	PHẠM GIA	NHU	05/03/2009	7.4	
27	225	VÕ NGUYỄN KHÁNH	NHU	01/09/2009	7.3	
28	226	PHẠM VĂN HÀ	NỘI	12/10/2009	7.6	
29	227	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	28/04/2009	7.7	
30	228	HOÀNG THỊ KIM	OANH	17/12/2009	7.2	
31	229	HUỖNH THỊ KIM	OANH	03/10/2009	7.3	
32	230	ĐẶNG ĐÌNH THÀNH	PHÁT	03/03/2009	7.3	
33	231	HÀ TẤN	PHÁT	21/02/2009	7.8	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
 Chủ tịch hội đồng

 Nguyễn Thị Hồng Châu


STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	232	LÊ GIA	PHÁT	05/01/2009	7.5	
2	233	LÊ MINH	PHÁT	11/10/2009	7.3	
3	234	LÊ XUÂN	PHÁT	14/07/2009	7.4	
4	235	LƯU CHÍ	PHÁT	18/11/2009	7.4	
5	236	NGÔ TIỀN	PHÁT	09/03/2009	7.5	
6	237	NGUYỄN CHÂU MINH	PHÁT	16/09/2009	7.2	
7	238	NGUYỄN GIA	PHÁT	18/10/2009	7.1	
8	239	NGUYỄN TẤN	PHÁT	20/06/2009	7.6	
9	240	HUỖNH CHIÊM	PHÚ	09/09/2009	7.2	
10	241	TRƯƠNG BÁ	PHÚ	03/10/2009	7.3	
11	242	TRƯƠNG THIÊN	PHÚ	24/12/2009	7.8	
12	243	LÂM HOÀNG MINH	PHÚC	02/01/2009	7.3	
13	244	LÊ MINH	PHÚC	12/10/2009	7.5	
14	245	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	04/09/2009	7.4	
15	246	NGUYỄN HUỖNH HỒNG	PHÚC	23/08/2009	7.5	
16	247	NGUYỄN PHAN THIÊN	PHÚC	25/10/2009	7.6	
17	248	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÚC	28/01/2009	7.3	
18	249	THÂN NGỌC NHƯ	PHÚC	11/08/2009	7.7	
19	250	TÔ HUY	PHÚC	24/09/2009	7.2	
20	251	TRẦN HÀ GIA	PHÚC	15/08/2009	7.7	
21	252	NGUYỄN TRẦN NGỌC	PHỤNG	27/04/2009	7.8	
22	253	NGÂN QUÊ	PHƯƠNG	21/06/2009	7.7	
23	254	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	01/10/2009	7.6	
24	255	PHÙNG THANH	PHƯƠNG	11/10/2009	7.5	
25	256	TRẦN NGỌC NAM	PHƯƠNG	26/01/2009	7.1	
26	257	HUỖNH LÊ TRẦN	QUANG	13/10/2009	7.8	
27	258	ĐOÀN VÕ HỒNG	QUÂN	29/01/2009	7.4	
28	259	ĐỖ ANH	QUÂN	06/01/2009	7.4	
29	260	TRẦN NGUYỄN MINH	QUÂN	01/01/2009	7.1	
30	261	TRƯƠNG HOÀNG MINH	QUÂN	17/11/2009	7.7	
31	262	VŨ NGUYỄN MÃN	QUÂN	01/11/2009	7.6	
32	263	LÊ NGUYỄN MINH	QUYÊN	21/08/2009	7.4	
33	264	HẠ NGỌC KHÁNH	QUỲNH	12/03/2009	7.4	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
Chủ tịch hội đồng



Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	265	HỨA KHẮC PHƯƠNG	QUỖNH	20/11/2009	7.5	
2	266	LÂM KHÁNH	QUỖNH	01/06/2009	7.1	
3	267	NGUYỄN THỊ THUỶ	QUỖNH	30/10/2009	7.3	
4	268	NGUYỄN THỊ LINH	SAN	15/06/2009	7.8	
5	269	CÁI TÂN	SANG	05/10/2009	7.8	
6	270	BÙI TUẤN	SƠN	04/01/2009	7.3	
7	271	ĐÀO NGỌC	SƠN	12/06/2009	7.6	
8	272	NGUYỄN THANH	SƠN	01/05/2009	7.7	
9	273	ĐẶNG TÂN	TÀI	03/04/2009	7.4	
10	274	LÊ VĂN	TÀI	04/12/2009	7.5	
11	275	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	03/02/2009	7.4	
12	276	NGUYỄN TIỀN	TÀI	21/11/2009	7.3	
13	277	NGUYỄN VĂN	TÀI	03/04/2009	7.6	
14	278	NGUYỄN BÌNH	TÂM	25/11/2009	7.7	
15	279	NGUYỄN MINH	TÂM	23/11/2009	7.8	
16	280	NGUYỄN THANH	TÂM	09/06/2009	7.6	
17	281	ĐÌNH THẾ THANH	TÂN	05/10/2009	7.5	
18	282	NGUYỄN NHẬT	TÂN	16/01/2009	7.4	
19	283	LƯU MINH	THÁI	30/10/2009	7.4	
20	284	NGUYỄN TRỌNG	THANH	14/01/2009	7.4	
21	285	HÀ THANH	THẢO	23/04/2009	7.4	
22	286	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THẢO	12/01/2009	7.7	
23	287	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	15/11/2009	7.5	
24	288	TRẦN ĐẶNG NGỌC	THẨM	16/07/2009	7.5	
25	289	LÊ NGỌC ANH	THI	09/11/2009	7.7	
26	290	HOÀNG	THIỆN	03/09/2009	7.6	
27	291	BÙI AN	THỊNH	12/03/2009	7.7	
28	292	ĐẶNG QUỐC	THỊNH	17/12/2009	7.5	
29	293	LÊ QUÝ	THỊNH	13/04/2009	7.6	
30	294	PHẠM PHỦ	THỊNH	28/10/2009	7.8	
31	295	VƯƠNG KHÁNH	THỊNH	12/10/2009	7.6	
32	296	NGUYỄN HẢI	THỌ	22/01/2009	7.1	
33	297	TRẦN MINH	THÔNG	31/10/2009	7.6	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
Chủ tịch hội đồng



Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	298	ĐOÀN THỊ MINH	THƯ	22/08/2009	7.3	
2	299	LẠI NGỌC MINH	THƯ	14/09/2009	7.6	
3	300	NGÔ CAO ANH	THƯ	27/02/2009	7.1	
4	301	NGUYỄN ANH	THƯ	04/12/2009	7.8	
5	302	NGUYỄN ĐỖ ANH	THƯ	14/04/2009	7.2	
6	303	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	22/05/2009	7.5	
7	304	VÕ THÁI ANH	THƯ	09/11/2009	7.4	
8	305	PHẠM BÙI ANH	THY	15/08/2009	7.1	
9	306	NGÔ THỦY	TIỀN	05/06/2009	7.8	
10	307	NGUYỄN LÊ THỦY	TIỀN	01/07/2009	7.1	
11	308	TRẦN MINH HẠ	TIỀN	24/04/2009	7.8	
12	309	TRẦN MINH THỦY	TIỀN	24/04/2009	7.8	
13	310	HUỖNH THANH	TIỀN	04/12/2009	7.5	
14	311	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT	TIỀN	02/09/2009	7.5	
15	312	HUỖNH CHÍ	TÍN	06/12/2009	7.7	
16	313	LÊ THANH	TOÀN	09/09/2009	7.7	
17	314	NGUYỄN HUY	TOÀN	26/08/2009	7.5	
18	315	MAI PHẠM KHÁNH	TRANG	27/12/2009	7.8	
19	316	MAI YẾN	TRANG	19/02/2009	7.5	
20	317	NGUYỄN THỦY	TRANG	28/08/2009	7.8	
21	318	PHẠM HUỖNH	TRANG	20/05/2009	7.6	
22	319	PHAN NGỌC PHƯƠNG	TRANG	24/01/2009	7.7	
23	320	TÔ NGỌC	TRANG	22/12/2009	7.4	
24	321	LÊ NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	12/07/2009	7.2	
25	322	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	14/12/2009	7.7	
26	323	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	29/01/2009	7.1	
27	324	PHẠM NGỌC BẢO	TRÂN	21/06/2009	7.5	
28	325	NGUYỄN ĐÌNH	TRIỂN	15/05/2009	7.5	
29	326	HUỖNH MINH	TRIẾT	20/03/2009	7.3	
30	327	DƯƠNG HUỖNH PHƯƠNG	TRINH	02/06/2009	7.8	
31	328	NGUYỄN KIM	TRINH	14/05/2009	7.1	
32	329	HUỖNH NGỌC BẢO	TRÚC	18/11/2009	7.4	
33	330	LÊ HOÀNG	TRÚC	03/05/2009	7.1	

Danh sách này có 33 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
 Chủ tịch hội đồng

 Nguyễn Thị Hồng Châu

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	331	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	19/03/2009	7.4	
2	332	LÊ HOÀNG	TRUNG	27/03/2009	7.6	
3	333	TRỊNH TRỌNG	TRƯỜNG	26/06/2009	7.6	
4	334	HOÀNG ANH	TUẤN	18/10/2009	7.6	
5	335	PHAN MINH	TUẤN	19/12/2009	7.1	
6	336	PHAN THANH	TUẤN	30/06/2009	7.4	
7	337	NGUYỄN NGỌC	TUYẾT	13/05/2009	7.8	
8	338	NGUYỄN HOÀNG KIM	TƯỚC	01/11/2009	7.1	
9	339	ĐINH NGUYỄN CÁT	TƯỜNG	17/02/2009	7.8	
10	340	VĂN NIÊN CÁT	TƯỜNG	23/01/2009	7.7	
11	341	DUONG LÝ GIA	TỶ	20/11/2009	7.7	
12	342	LÊ HOÀNG TRÚC	UYÊN	22/02/2009	7.3	
13	343	PHẠM NHẬT HÀ	UYÊN	15/09/2009	7.5	
14	344	BÙI TRẦN KHÁNH	VÂN	11/10/2009	7.7	
15	345	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	VÂN	02/05/2009	7.5	
16	346	TRẦN THANH NGỌC	VÂN	04/01/2009	7.3	
17	347	NGUYỄN LÊ	VƯƠNG	03/12/2009	7.2	
18	348	HOÀNG NGỌC THẢO	VY	28/08/2009	7.5	
19	349	HUỲNH THỊ YẾN	VY	05/05/2009	7.3	
20	350	LÂM TƯỜNG	VY	26/10/2009	7.6	
21	351	LÊ ANH KHÁNH	VY	19/12/2009	7.2	
22	352	LÊ HOÀNG THẢO	VY	06/06/2009	7.7	
23	353	LÊ HUỲNH YẾN	VY	18/01/2009	7.5	
24	354	LÝ PHƯƠNG	VY	09/02/2009	7.2	
25	355	NGUYỄN NGỌC	VY	29/08/2009	7.4	
26	356	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	13/10/2009	7.1	
27	357	TRẦN HÀ	VY	01/07/2009	7.3	
28	358	VÕ NGỌC KHÁNH	VY	14/06/2009	7.4	
29	359	VŨ THỊ YẾN	VY	01/12/2009	7.8	
30	360	NGUYỄN LÊ	XUÂN	17/03/2009	7.8	
31	361	TRẦN PHẠM NHƯ	Ý	09/10/2009	7.2	
32	362	TRƯƠNG NGỌC NHƯ	Ý	16/12/2009	7.1	
33	363	HUỲNH TRẦN HẢI	YẾN	02/01/2009	7.5	
34	364	NGUYỄN THỊ MỸ	YẾN	23/11/2009	7.2	

Danh sách này có 34 học sinh

Tân Tạo, ngày 10 tháng 1 năm 2022
 Chủ tịch hội đồng

 Nguyễn Thị Hồng Châu